

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh
Loại hình đào tạo : Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững cơ bản về kinh tế- xã hội, quản trị kinh doanh, những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới. Sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các bộ phận chức năng quản trị tại các Bộ, Ngành, cơ quan Nhà nước đồng thời có khả năng nghiên cứu khoa học, giải quyết các vấn đề đặt ra thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp. Có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức đã được học vào hoạt động kinh doanh.

1.2.2. Về kiến thức

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân QTKD, sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế- xã hội; đồng thời nắm vững những kiến thức chuyên môn như chức năng, quá trình kinh doanh và phương pháp quản trị ở các doanh nghiệp; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh, tạo lập và quản trị doanh nghiệp mới.

1.2.3. Về kỹ năng

Sinh viên có những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; đảm đương được công việc quản lý nguồn nhân lực, quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, điều hành sản xuất kinh doanh, hoạch định chiến lược kinh doanh và tiếp thị; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

S TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL	TH	Tự học	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)			45					
7.1.1. Kiến thức GDĐC bắt buộc			39					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1202	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học đại cương	2	15		15	60	
10	SH1203	Môi trường và con người	2	20	10		60	
11	TN1263	Quy hoạch tuyến tính	2	20	10		60	
12	LC1207	Pháp luật đại cương	2	20	10		60	
13	KT1201	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	20	10		60	
14	TN1364	Toán cao cấp C	3	30	15		90	
15	TN1262	Xác suất thống kê 1	2	20	10		60	
16	KT1302	Toán kinh tế	3	30	15		90	
17	KT1203	Luật kinh tế	2	20	10		60	
18	LC1205	Xã hội học đại cương	2	20	10		60	

7.1.2. Kiến thức GDĐC tự chọn				6				
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
19	KT1204	Kinh tế công cộng	2*	20	10		60	
20	KT1205	Văn hoá kinh doanh	2*	20	10		60	
21	TG1221	Tâm lý học quản lý	2*	20	10		60	
22	KT1206	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2*	20	10		60	
23	KT1207	Kinh tế phát triển	2*	20	10		60	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				90				
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành				25				
24	KT2308	Kinh tế vi mô 1	3	30	15		90	
25	KT2309	Kinh tế vĩ mô 1	3	30	15		90	
26	QT2302	Marketing căn bản	3	30	15		90	
27	KE2301	Nguyên lý kế toán	3	30	15		90	
28	KT2310	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	15		90	
29	KT2211	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	20	10		60	
30	KT2312	Kinh tế lượng	3	30	15		90	
31	NH2222	Tài chính tiền tệ	2	20	10		60	
32	QT2301	Quản trị học	3	30	15		90	
7.2.2. Kiến thức ngành				50				
a) Kiến thức ngành bắt buộc				44				
33	KE2315	Kế toán tài chính	3	30	15		90	
34	QT2303	Quản trị nhân lực	3	30	15		90	
35	QT2304	Quản trị sản xuất	3	30	15		90	
36	KT2214	Thống kê doanh nghiệp	2	20	10		60	
37	NH2203	Tài chính doanh nghiệp 1	2	20	10		60	
38	QT2305	Quản trị tài chính	3	30	15		90	
39	KE2305	Kế toán quản trị	3	30	15		90	
40	KT2215	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	20	10		60	
41	NN2310	Tiếng Anh chuyên ngành	3	30	15		90	
42	QT2306	Quản trị chiến lược	3	30	15		90	
43	QT2308	Quản trị DN vừa và nhỏ	3	30	15		90	
44	QT2307	Quản trị Marketing	3	30	15		90	
45	TI2245	Tin học ứng dụng	2	20		10	60	
46	QT2213	Quản trị chất lượng	2	20	10		60	
47	QT2211	Quản lý công nghệ	2	20	10		60	
48	QT2314	Thực hành quản trị trên máy vi tính	3	15		30	90	
49	QT2210	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	20	10		60	
b) Kiến thức ngành tự chọn				6				
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
50	QT2212	Quản trị thương hiệu	2*	20	10		60	
51	KT2216	Lập và phân tích dự án	2*	20	10		60	

52	KT2217	Kinh tế quốc tế	2*	20	10		60	
53	KT2218	Thương mại điện tử	2*	15		15	60	
54	NH2208	Thị trường chứng khoán	2*	20	10		60	
7.2.3. Thực tập, khoá luận tốt nghiệp			15					
55	QT2315	Thực tập 1	3					
56	QT2516	Thực tập 2	5					
57	QT2717	Khoá luận tốt nghiệp	7					
Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp								
58	QT2218	Quản trị - Marketing căn bản	2	20	10		60	
59	QT2319	Quản trị doanh nghiệp	3	30	15		90	
60	QT2220	Báo cáo chuyên đề TN	2				60	
Cộng:			135					

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PSG.TS Cao Văn